

**TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Số 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-33

J10
C
HẠCH
K
/16

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Bùi Thế Hùng
Ông Lưu Văn Quảng
Ông Nguyễn Thái Hòa
Ông Nguyễn Trọng Vinh
Ông Nguyễn Công Coóng
Ông Phạm Văn Huyền

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/04/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Văn Quảng
Ông Nguyễn Thái Hòa
Ông Dương Ngọc Đức
Ông Đông Trung Kiên
Ông Mai Xuân Thắng

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12/08/2015)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

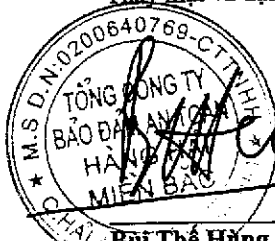
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Công ty,



Bùi Thế Hùng

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016



Lưu Văn Quảng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 105 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc – Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22/03/2016, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, Tổng Công ty chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu, xác nhận nợ phải thu, nợ phải trả tại ngày 31/12/2015. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận số dư các khoản nợ phải thu, nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận. Do đó, chúng tôi không đánh giá về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản nợ phải thu, nợ phải trả chưa được xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

10/1/16
T
H
Đ
Đ
A
C
N

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 02, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính của các công ty con được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực III, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do không tham gia chứng kiến kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015. Chúng tôi không đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 04, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động công ích trên cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam, tiến độ thanh toán và Quyết định duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam. Theo đó, việc ghi nhận doanh thu sản phẩm công ích với Cục Hàng hải Việt Nam có tính lần kỳ phụ thuộc vào Quyết định phê duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam. Doanh thu ảnh hưởng có tính lần kỳ đến năm 2015 bao gồm 23.441.898.946 VND doanh thu nạo vét luồng năm 2014 ghi nhận vào năm 2015 và 4.215.338.113 VND doanh thu nạo vét và 8.203.182.627 VND doanh thu đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải năm 2015 chưa được ghi nhận. Đồng thời, một số nhiệm vụ công ích thực hiện trong năm 2015 đã hoàn thành chưa được quyết toán, Tổng Công ty đã tạm ghi nhận doanh thu trên cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam, doanh thu bổ sung sẽ được ghi nhận khi có Quyết toán chính thức của Cục Hàng hải Việt Nam. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		539.107.434.845	576.818.361.663
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	257.290.394.247	176.135.931.343
1. Tiền	111		209.290.394.247	155.135.931.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.000.000.000	21.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.433.781.702	312.465.108.013
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	190.377.860.837	210.659.783.312
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.716.467.643	56.905.294.309
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	14.520.107.933	49.854.948.480
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(4.180.654.711)	(4.954.918.088)
III. Hàng tồn kho	140	11	59.174.280.971	81.209.140.705
1. Hàng tồn kho	141		59.742.091.252	81.209.140.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(567.810.281)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.208.977.925	7.008.181.602
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	811.250.653	1.157.694.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.844.493	4.249.512.968
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	9.337.882.779	1.600.974.619
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		358.068.579.535	385.928.122.507
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		128.007.408	3.117.105.213
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	731.657.598	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		64.841.308	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	63.166.100	3.117.105.213
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(731.657.598)	-
II. Tài sản cố định	220		327.698.300.835	356.826.523.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	316.387.122.546	344.926.621.873
- Nguyên giá	222		658.897.535.518	680.489.026.473
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.510.412.972)	(335.562.404.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	11.311.178.289	11.899.902.081
- Nguyên giá	228		14.573.267.107	14.573.267.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.262.088.818)	(2.673.365.026)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	8.794.324.690	16.296.199.141
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.240.099.984	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.554.224.706	16.296.199.141
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	17.549.426.017	6.511.494.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.836.303.517	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.792.530.000	8.792.530.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.079.407.500)	(2.281.036.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.898.520.585	3.176.800.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.023.589.900	3.176.800.199
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		874.930.685	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		897.176.014.380	962.746.484.170

M.S.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		368.121.159.499	452.230.886.565
I. Nợ ngắn hạn	310		368.087.521.920	452.230.886.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	105.483.776.320	74.792.531.205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	27.614.861.214	7.731.630.371
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	41.618.712.790	36.031.327.564
4. Phải trả người lao động	314		72.736.005.515	56.921.981.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	47.618.003.964	127.558.962.876
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	13.567.426.324
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	28.038.476.888	69.835.149.339
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.972.863.270
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.977.685.229	62.819.014.596
II. Nợ dài hạn	330		33.637.579	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		33.637.579	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		529.054.854.881	510.515.597.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	528.907.264.577	509.541.235.534
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.847.916.103	490.859.373.783
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.648.461.703	6.489.432.742
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	5.241.572.062
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.573.262.728	8.450.495.334
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		24.477.227.713	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		360.396.330	(1.499.638.387)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		360.396.330	(1.499.638.387)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		147.590.304	974.362.071
1. Nguồn kinh phí	431	22	(28.828.046.683)	(29.290.832.260)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		28.975.636.987	30.265.194.331
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		897.176.014.380	962.746.484.170

Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Hải
 Người lập biểu



(Handwritten signature of Nguyễn Văn An)

(Handwritten signature of Nguyễn Tuấn Hải)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02 – DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		852.195.919.626	773.451.681.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.185.113.915	2.196.273.702
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	851.010.805.711	771.255.407.395
4. Giá vốn hàng bán	11	25	687.898.372.009	612.661.298.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		163.112.433.702	158.594.109.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.127.376.780	3.002.691.241
7. Chi phí tài chính	22	27	2.260.889.165	79.843.372
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	73.982.384
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		346.303.517	-
9. Chi phí bán hàng	25	30	-	248.050.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	122.546.337.445	117.956.337.236
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26)}	30		41.778.887.389	43.312.569.688
12. Thu nhập khác	31	28	3.899.872.028	2.744.375.746
13. Chi phí khác	32	29	2.703.435.134	2.580.885.102
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.196.436.894	163.490.644
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.975.324.283	43.476.060.332
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	9.352.009.566	10.236.617.393
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.623.314.717	33.239.442.939

Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Hải
 Người lập biểu



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 – DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	997.223.885.425	951.483.303.358
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(531.006.513.604)	(579.649.721.699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(268.194.921.439)	(252.704.328.584)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(93.439.264)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10.622.591.556)	(11.473.163.845)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	227.684.374.262	144.410.566.005
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(319.716.742.756)	(190.864.237.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95.367.490.332	61.108.978.873
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.595.211.101)	(25.280.267.368)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	254.923.696	397.211.037
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.553.979.803
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.068.647.797	2.715.795.049
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.271.639.608)	(15.613.281.479)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.827.445.888
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.919.132.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(575.405.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	6.171.172.668
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	81.095.850.724	51.666.870.062
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	176.135.931.343	124.461.216.645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	58.612.180	7.844.636
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	257.290.394.247	176.135.931.343

Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Hải
 Người lập biểu



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc theo Quyết định số 1089/QĐ-BGTVT ngày 27/05/2011 của Bộ Giao thông vận tải. Tổng Công ty được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0200640769 ngày 03/08/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 15/04/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 543.366.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động theo Đăng ký kinh doanh tại: Số 01 lô 11A đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015 là 1.585 người (tại ngày 31/12/2014 là 1.512 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Cung ứng dịch vụ vận hành hệ thống báo hiệu đèn biển; Cung ứng dịch vụ vận hành hệ thống báo hiệu hàng hải luồng tàu biển; Khảo sát và thực hiện thanh thải chướng ngại vật trên các luồng hàng hải, vùng nước cảng biển và các công trình khác; Điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải đối với các công trình thi công và các hoạt động khác diễn ra trên vùng nước cảng biển và luồng hàng hải; Cung cấp dịch vụ dẫn tàu biển ra vào các cảng, khu neo đậu tàu, khu chuyển tải; Hỗ trợ, lai dắt tàu biển và các phương tiện nổi; Trục vớt, cứu hộ hàng hải và dịch vụ kỹ thuật ngầm dưới nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm;
- Lập trình máy vi tính;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao giải trí;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính 2015, bốn Công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty TNHH MTV Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc thực hiện cổ phần hóa theo các Quyết định số 3447/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014, Quyết định số 3498/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2014, Quyết định số 3449/QĐ-BGTVT ngày 11/9/2014 và Quyết định số 394/QĐ-BGTVT ngày 02/02/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên sang công ty cổ phần. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, bốn công ty con trên đã chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty, theo đó số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2015 của bốn công ty này sẽ không được cộng hợp vào Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:

1. Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Trung Bộ;
2. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bảo đảm An toàn Hàng hải Bắc Trung Bộ;
3. Xí nghiệp Khảo sát Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc;
4. Xí nghiệp Bảo đảm An toàn Hàng hải Đông Bắc Bộ.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực II;
2. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực III;
3. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực IV;
4. Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;
5. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí hàng hải miền Bắc (đến ngày 08/01/2015);
6. Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc (đến ngày 07/01/2015);
7. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc (đến ngày 08/01/2015);
8. Công ty TNHH Một thành viên Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc (đến ngày 30/09/2015).

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc (từ ngày 09/01/2015);
2. Công ty Cổ phần Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc (từ ngày 08/01/2015);
3. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc (từ ngày 09/01/2015);
4. Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc (từ ngày 01/10/2015).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó để đảm bảo khả năng so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty được trình bày lại như tại Thuyết minh số 34 - Số liệu so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Tổng Công ty trong năm báo gồm:

- Bộ Giao thông Vận tải: là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Cục Hàng hải Việt Nam: đơn vị trực thuộc chủ sở hữu;
- Các Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư vốn;
- Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc và báo cáo tài chính của 04 (bốn) Công ty con độc lập. Các giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ giữa Tổng Công ty với các Công ty con, giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ toàn bộ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm:

STT	Danh sách	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ	Ý kiến kiểm toán
I	Công ty con				
1	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực II	100%	100%	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Chấp nhận toàn phần
2	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực III	100%	100%	TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Ngoại trừ
3	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV	100%	100%	Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Chấp nhận toàn phần
4	Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VI	100%	100%	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Chấp nhận toàn phần
II	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc	29%	29%	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Ngoại trừ
2	Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc	49%	49%	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Chấp nhận toàn phần
3	Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	29%	29%	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Ngoại trừ
4	Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc (i)	49%	49%	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Chấp nhận toàn phần

Ghi chú: (i) Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty từ ngày 01/10/2015, theo đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 của công ty này được cộng hợp vào Báo cáo kết quả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính; Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: bốn công ty con của Tổng Công ty đều do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ nên không có lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên danh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty bao gồm: Chi phí xây dựng trụ sở làm việc tại các đơn vị phụ thuộc và chi phí xây dựng các tài sản khác phục vụ cho hoạt động công ích của Tổng Công ty.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí thuê nhà và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là toàn bộ số chi phí thực tế đã phát sinh phục vụ cho các hoạt động công ích của Tổng Công ty theo các lệnh sản xuất. Trong năm Tổng Công ty đã trích các chi phí này vào giá vốn của hoạt động sản xuất công ích.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng, bao gồm: Vốn Nhà nước cấp trực tiếp cho Tổng Công ty từ khi thành lập, vốn Nhà nước Tổng Công ty được nhận trực tiếp từ nơi khác chuyển đến theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế, vốn được nhận từ bàn giao các đơn vị khác.

Chủ sở hữu vốn của Tổng Công ty là Bộ Giao thông vận tải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế hàng năm bao gồm lợi nhuận của Văn phòng, lợi nhuận từ các đơn vị phụ thuộc và lợi nhuận từ các công ty con. Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Tổng Công ty được phân phối vào các quỹ và bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Trích tối đa 30% quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện;
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích với Cục Hàng hải Việt Nam:

- (a) Đối với phí bảo đảm hàng hải: được ghi nhận trước cơ sở công việc thực tế hoàn thành và đơn giá theo Hợp đồng đặt hàng của Cục Hàng hải Việt Nam; doanh thu bổ sung sẽ được ghi nhận khi có Quyết toán chính thức của Cục Hàng hải Việt Nam;
- (b) Đối với doanh thu hoạt động nạo vét luồng: ghi nhận theo tiến độ thanh toán của Cục Hàng hải Việt Nam;
- (c) Đối với hoạt động đột xuất xuất đảm bảo an toàn hàng hải: ghi nhận khi có duyệt quyết toán chính thức từ Cục Hàng hải Việt Nam.

Doanh thu hoạt động ngoài công ích bao gồm các khoản doanh thu do Tổng Công ty tự khai thác từ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.355.045.201	2.096.293.148
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	206.935.349.046	153.039.638.195
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>48.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>
Cộng	<u><u>257.290.394.247</u></u>	<u><u>176.135.931.343</u></u>

Ghi chú: (i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

ÔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
ÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 01/16 11A đường Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃUB 09-DN/HN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên danh, liên kết	14.836.303.517	-	14.836.303.517	-
Công ty CP Cơ khí hàng hải Miền Bắc	3.119.872.931	-	3.119.872.931	-
Công ty CP Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc	1.901.200.000	-	1.901.200.000	-
Công ty CP XD Công trình hàng hải Miền Bắc (I)	1.471.137.200	-	1.471.137.200	-
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	8.344.093.386	-	8.344.093.386	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	8.792.530.000	(6.079.407.500)	2.713.122.500	8.792.530.000
Đầu tư chứng khoán (ii)	8.792.530.000	(6.079.407.500)	2.713.122.500	8.792.530.000
Cộng	23.628.833.517	(6.079.407.500)	17.549.426.017	8.792.530.000
				(2.281.036.000)
				6.511.494.000

Ghi chú:

- (i) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải miền Bắc chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ cho phần lỗ lũy kế tính đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty với giá trị là 489.922.326 VND, do khoản lỗ lũy kế tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chưa được xử lý triệt để, theo đó Tổng Công ty chưa ghi nhận.
- (ii) Là số tiền Tổng Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải với số lượng cổ phiếu là 1.085.249 cổ phiếu. Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu tại 31/12/2015 được Tổng Công ty trích lập dựa trên mức giá cao nhất theo Bảng giá của Công ty Cổ phần chứng khoán Đông Nam Á.

b) Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	290.000	29,00%	29,00%	Sửa chữa, gia công, hoán cải, phục hồi các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác bảo đảm hàng hải
Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	190.120	49,00%	49,00%	Sản xuất, gia công, lắp ráp, sửa chữa các máy móc trang thiết bị báo hiệu hàng hải
Công ty CP Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	152.540	29,00%	29,00%	Xây dựng các công trình hàng hải
CTCP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	816.340	49,00%	49,00%	Nạo vét duy tu luồng hàng hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	58.994.641.291	64.833.092.015
Ban quản lý dự án hạ tầng	4.124.765.730	11.727.115.879
Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	3.514.372.450	-
Tổng công ty Xây dựng đường thủy	3.130.244.501	1.391.392.796
Công ty kho vận và Cảng Cẩm phả- VINACOMIN	2.768.326.625	2.354.731.920
Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam	2.760.941.791	971.582.062
Tổng CTCP xây lắp Dầu Khí Việt nam	2.366.521.540	832.784.630
Công ty CP CN tàu thủy và XD Nam Triệu	2.364.000.600	2.364.000.600
Ban quản lý dự án hàng hải III	1.933.066.632	5.859.022.735
Các đối tượng khác	36.032.401.422	39.332.461.393
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	731.657.598	-
Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam tại Quảng Ninh	479.024.342	-
Các đối tượng khác	252.633.256	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	131.383.219.546	145.826.691.297
Cục Hàng hải Việt Nam (i)	131.115.390.644	145.826.691.297
Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc	49.093.902	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	147.860.000	-
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	70.875.000	-
	191.109.518.435	210.659.783.312

Ghi chú: (i) Phải thu Cục Hàng hải Việt Nam phản ánh số dư khoản phải thu về doanh thu hoạt động công ích do Tổng Công ty thực hiện hàng năm theo nhiệm vụ được giao. Khoản công nợ của Cục Hàng hải được ghi nhận trên cơ sở tạm xác định doanh thu theo nhiệm vụ công ích hoàn thành chưa được Cục Hàng hải phê duyệt nghiệm thu.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.218.417.464	56.905.294.309
Công ty TNHH Phúc Nam	4.174.332.075	1.250.000.000
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam	495.000.000	495.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng	400.482.787	488.494.442
Công ty cổ phần thi công cơ giới và dịch vụ	-	15.571.160.000
Tổng công ty xây dựng Hà Nội	-	12.441.122.147
Công ty Cổ phần công trình vận tải - CTC	-	10.815.515.000
Các đối tượng khác	3.148.602.602	15.844.002.720
b) Trả trước cho người bán dài hạn	64.841.308	-
Các đối tượng khác	64.841.308	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	3.498.050.179	-
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc	1.907.989.839	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc	1.457.773.936	-
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	132.286.404	-
	11.781.308.951	56.905.294.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.520.107.933	-	49.854.948.480	-
Ký cược, ký quỹ	8.166.512.137	-	11.131.262.202	-
Tạm ứng	2.351.770.137	-	10.906.516.632	-
Bảo hiểm xã hội	40.879.500	-	57.843.400	-
Phải thu khác	3.960.946.159	-	27.759.326.246	-
- Công ty TNHH Phúc Nam (i)	2.822.566.984	-	-	-
- Cục hàng hải Việt Nam	-	-	15.702.271.979	-
- Lãi dự thu	83.483.332	-	99.975.588	-
- Các đối tượng khác	1.054.895.843	-	11.957.078.679	-
b) Dài hạn	63.166.100	-	3.117.105.213	-
Tạm ứng	41.404.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	3.117.105.213	-
Phải thu khác	21.762.100	-	-	-
Cộng	14.583.274.033	-	52.972.053.693	-

Ghi chú: (i) Khoản thuế giá trị gia tăng tạm tính đối với các khoản giá vốn trích trước theo khối lượng thực hiện năm 2015 nhưng chưa được xuất hóa đơn.

10. NỢ XẤU VÀ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.985.665.385	805.010.674	5.336.360.118	381.442.030
Công ty Cổ phần CN tàu thủy và Xây dựng Nam Triệu	2.364.000.600	-	2.364.000.600	175.694.997
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CN tàu thủy Nam Triệu	526.943.788	-	526.943.788	-
CTCP TVĐTXD và hàng hải thương mại	421.000.000	300.500.000	-	-
CTCP tư vấn thiết kế và Xây dựng công trình cảng biển	350.000.000	245.000.000	-	-
Công ty CP cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải	299.638.242	-	299.638.242	-
Công ty CP XD và TM Quê Hương	198.814.496	59.644.349	198.814.496	59.644.349
CNTCTXD đường thủy - Công ty Nạo vét đường biển I	263.711.741	81.102.684	263.711.741	81.102.684
Công ty TNHH TVXD & đào tạo kinh tế thương mại	175.000.000	-	175.000.000	-
Các đối tượng khác	386.556.518	118.763.641	1.508.251.251	65.000.000
b) Dài hạn	731.657.598	-	-	-
Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam tại Quảng Ninh	479.024.343	-	-	-
Công ty TNHH MTV vận tải tàu cao tốc Bắc Nam	166.928.778	-	-	-
Các đối tượng khác	85.704.477	-	-	-
Cộng	5.717.322.983	805.010.674	5.336.360.118	381.442.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.201.963.308	(105.162.325)	9.566.552.555	-
Công cụ, dụng cụ	5.806.276.051	(462.647.956)	8.686.358.720	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.191.376.852	-	62.332.827.096	-
Thành phẩm	542.475.041	-	623.402.334	-
Cộng	59.742.091.252	(567.810.281)	81.209.140.705	-

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</i>	<i>1.240.099.984</i>	<i>1.240.099.984</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thả phao, QL VH luồng lọc dầu Nghi Sơn	1.240.099.984	1.240.099.984	-	-
<i>b) Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>7.554.224.706</i>	<i>7.554.224.706</i>	<i>16.296.199.141</i>	<i>16.296.199.141</i>
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	7.554.224.706	7.554.224.706	16.296.199.141	16.296.199.141
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đóng mới tàu quản lý các đèn biển xa bờ (ST208)</i>	<i>2.967.024.539</i>	<i>2.967.024.539</i>	<i>2.967.024.539</i>	<i>2.967.024.539</i>
<i>Xây dựng trạm quản lý luồng Phà Rừng</i>	<i>2.630.842.965</i>	<i>2.630.842.965</i>	<i>2.630.842.965</i>	<i>2.630.842.965</i>
<i>Hoán cải, thay mới máy và hệ trục Cano 02, 05</i>	<i>1.126.700.392</i>	<i>1.126.700.392</i>	<i>27.272.727</i>	<i>27.272.727</i>
<i>Xây dựng cầu tàu trạm Đà Nẵng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>6.829.148.661</i>	<i>6.829.148.661</i>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản khác</i>	<i>829.656.810</i>	<i>829.656.810</i>	<i>3.841.910.249</i>	<i>3.841.910.249</i>

CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 601 Lê Hồng Phong, Đằng An, Hải An, Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Mục lục thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

3. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	350.058.515.531	53.179.911.463	177.980.225.823	5.048.367.562	94.222.006.094	680.489.026.473
Phân loại lại	-	-	-	131.889.151	(131.889.151)	-
Mua trong năm	-	2.216.310.000	4.147.495.287	362.828.273	3.080.311.204	9.806.944.764
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	16.577.567.911	-	-	-	-	16.577.567.911
Tặng do điều chuyển	-	-	784.841.500	-	2.885.178.500	3.670.020.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.848.525.615)	(1.254.720.871)	(125.537.000)	(1.985.037.930)	(5.213.821.416)
Giảm do điều chuyển	(240.000.000)	-	-	-	(548.269.682)	(788.269.682)
Giảm khác (ii)	(21.313.486.327)	(8.395.565.268)	(15.764.480.438)	(170.400.499)	-	(45.643.932.532)
Tại ngày 31/12/2015	345.082.597.115	45.152.130.580	165.893.361.301	5.247.147.487	97.522.299.035	658.897.535.518
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	104.898.341.840	42.465.061.613	112.674.635.739	3.406.983.012	72.117.382.396	335.562.404.600
Phân loại lại	-	44.071.459	48.914.514	104.427.005	(197.412.978)	-
Khấu hao trong năm	11.956.204.785	1.804.397.776	11.153.452.893	431.685.547	6.022.281.690	31.368.022.691
Tặng do nhận bàn giao	-	-	784.841.500	-	2.885.178.500	3.670.020.000
Tặng do đánh giá lại TS	-	(123.088.427)	(437.379.371)	-	-	(560.467.798)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.725.437.188)	(817.341.500)	(125.537.000)	(1.813.478.542)	(4.481.794.230)
Giảm do điều chuyển	(240.000.000)	-	-	-	(426.080.556)	(666.080.556)
Giảm khác (ii)	(11.360.789.387)	(5.792.642.844)	(5.138.858.654)	(89.400.850)	-	(22.381.691.735)
Tại ngày 31/12/2015	105.253.757.238	36.672.362.389	118.268.265.121	3.728.157.114	78.587.870.510	342.510.412.972
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	245.160.173.691	10.714.849.850	65.305.590.084	1.641.384.550	22.104.623.698	344.926.621.873
Tại ngày 31/12/2015	239.828.839.877	8.479.768.191	47.625.096.180	1.518.989.773	18.934.428.525	316.387.122.546



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Trong năm Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng nguyên giá Tòa nhà Văn phòng Tổng Công ty theo Quyết định số 980/QĐ-TCT.BĐATHHMB ngày 26/12/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê của Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải I (tiền thân của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải miền Bắc - Công ty TNHH Một thành viên) tại Thành phố Hải Phòng. Giá trị quyết toán được duyệt là 143.669.819.281 VND.
- (ii) Giảm khác thể hiện khoản điều chỉnh giảm giá trị tài sản cố định tại 04 công ty: Công ty TNHH MTV Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc do đã chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty nên không hợp nhất số liệu.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 165.595.559.470 VND.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	10.134.628.277	4.438.638.830	14.573.267.107
Tại ngày 31/12/2015	10.134.628.277	4.438.638.830	14.573.267.107
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	124.913.364	2.548.451.662	2.673.365.026
Khấu hao trong năm	-	588.723.792	588.723.792
Tại ngày 31/12/2015	124.913.364	3.137.175.454	3.262.088.818
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	10.009.714.913	1.890.187.168	11.899.902.081
Tại ngày 31/12/2015	10.009.714.913	1.301.463.376	11.311.178.289

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 863.144.928 VND.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	811.250.653	1.157.694.015
Chi phí thuê nhà	173.916.670	173.916.670
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	246.785.945	540.088.737
Các khoản khác	390.548.038	443.688.608
b) Dài hạn	3.023.589.900	3.176.800.199
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	467.865.456	236.254.242
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.890.558.187	2.330.405.530
Các khoản khác	665.166.257	610.140.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	100.960.699.330	100.960.699.330	74.792.531.205	74.792.531.205
Công ty CP Công trình vận tải - CTC	26.142.120.677	26.142.120.677	-	-
Công ty CP Thi công cơ giới và dịch vụ	17.798.986.675	17.798.986.675	-	-
Công ty Cổ phần XD và TM Quê Hương	15.516.552.310	15.516.552.310	-	-
Công ty TNHH XD và TM Dương Anh	8.995.884.372	8.995.884.372	-	-
Chi nhánh Công ty CP XD và TM Quê Hương tại Hà Nội	-	-	17.226.436.477	17.226.436.477
Công ty CP phát triển hạ tầng và xây lắp	-	-	9.020.000.000	9.020.000.000
TCT Xây dựng đường thủy	-	-	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	32.507.155.296	32.507.155.296	48.546.094.728	48.546.094.728
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	4.523.076.990	4.523.076.990	-	-
Công ty CP Cơ khí hàng hải Miền Bắc	2.565.478.308	2.565.478.308	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị bảo hiệu hàng hải Miền Bắc	1.957.598.682	1.957.598.682	-	-
	105.483.776.320	105.483.776.320	74.792.531.205	74.792.531.205

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.074.550.861	7.731.630.371
Công ty TOA Corporation	13.602.968.303	-
Công ty cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	3.643.550.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng điện Thái Dương	-	891.997.000
Công ty CP xây lắp dầu khí Miền Trung	1.470.000.000	1.470.000.000
Các đối tượng khác	358.032.558	5.369.633.371
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	8.540.310.353	-
Cục Hàng hải Việt Nam	8.540.310.353	-
	27.614.861.214	7.731.630.371

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Giảm khác	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2015
	(Trình bày lại)	(i)	trong năm	trong năm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng (ii)	8.036.914.789	1.368.105.437	30.696.259.031	36.099.906.623	1.265.161.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp (iii)	4.118.330.912	61.699.820	9.450.328.893	10.786.031.760	2.720.928.225
Thuế thu nhập cá nhân	(142.725.860)	10.746.000	5.406.888.381	4.609.682.760	643.733.761
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	144.739.848	144.739.848	-
Các loại thuế khác	5.286.751	-	12.848.000	12.848.000	5.286.751
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.412.546.353	-	198.711.465.219	193.478.292.058	27.645.719.514
Cộng	34.430.352.945	1.440.551.257	244.422.529.372	245.131.501.049	32.280.830.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Giám khác thể hiện khoản điều chỉnh giảm thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước tại 04 công ty: Công ty TNHH MTV Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc do đã chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty nên không hợp nhất số liệu.
- (ii) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp cuối kỳ bao gồm số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại các đơn vị phụ thuộc và các công ty con là 10.222.449.710 VND, số thuế giá trị gia tăng nộp thừa phải thu tại Văn phòng Tổng Công ty là 8.957.287.950 VND.
- (iii) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa phải thu tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực III và Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV là 380.594.829 VND, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại các công ty khác là 3.101.523.054 VND.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	47.618.003.964	127.558.962.876
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	40.703.083.898	123.997.120.230
Chi phí trích trước khác	6.914.920.066	3.561.842.646
- Các khoản phụ cấp định lượng, nước ngọt, đi biển	2.992.856.657	2.161.270.348
- Chi phí sửa chữa phương tiện thủy	3.104.315.409	946.891.430
- Các khoản khác	817.748.000	453.680.868

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	28.038.476.888	69.835.149.339
Kinh phí công đoàn	449.840.530	680.553.358
Bảo hiểm xã hội	283.010.916	424.409.111
Phải trả về cổ phần hoá	-	11.852.514.830
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.305.625.442	56.877.672.040
- Chuyển từ quỹ phúc lợi sang (i)	2.227.510.000	2.227.510.000
- Thuế VAT tạm tính (ii)	18.136.761.355	23.288.662.657
- Phải trả khác	6.941.354.087	31.361.499.383
b) Dài hạn	33.637.579	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.637.579	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền sử dụng quỹ phúc lợi để mua cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải.
- (ii) Tiền thuế GTGT đối với các khoản doanh thu tạm ghi nhận theo khối lượng thực hiện năm 2015 chưa xuất hóa đơn cho Cục Hàng Hải Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú:

(iii) Giảm vốn trong năm là khoản điều chỉnh giảm giá trị vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải miền Bắc và Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc.

(iv) Theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, trong năm 2015 Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển:	2.919.202.618 VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi:	29.320.100.717 VND
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành Tổng công ty:	1.337.268.277 VND.

(v) Giảm khác thể hiện khoản điều chỉnh giảm vốn tại 04 công ty: Công ty TNHH MTV Thiết bị báo hiệu hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình hàng hải miền Bắc, Công ty TNHH MTV Cơ khí hàng hải miền Bắc và Công ty TNHH MTV Thi công cơ giới và Dịch vụ hàng hải miền Bắc do đã chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty nên không hợp nhất số liệu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0200640769 ngày 15/04/2015, vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty là 543.366.000.000 VND. Chủ sở hữu vốn của Tổng Công ty là Bộ Giao thông vận tải.

22. NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện tại ngày 31/12/2015 là số dư Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ cấp vốn hoạt động hoa tiêu hàng hải đã hoàn thành chưa được duyệt quyết toán nguồn kinh phí đã thực hiện.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	40.215,85	66.527,29

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	VND 115.302.566	VND 967.355.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
		(Trình bày lại)
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	852.195.919.626	773.451.681.097
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động công ích	567.854.472.400	479.815.479.237
- Doanh thu hoa tiêu	167.798.116.972	151.118.471.348
- Doanh thu hoạt động ngoài công ích	116.543.330.254	142.517.730.512
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	568.014.358.764	479.815.479.237
Cục Hàng hải Việt Nam	567.854.472.400	479.815.479.237
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	159.886.364	-
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	1.185.113.915	2.196.273.702
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	1.185.113.915	2.196.273.702
	851.010.805.711	771.255.407.395

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Giá vốn hoạt động công ích	486.020.348.496	398.055.983.117
Giá vốn hoa tiêu	103.058.198.426	95.383.531.365
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	98.819.825.087	119.221.783.858
Cộng	687.898.372.009	612.661.298.340

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.054.662.705	2.935.012.681
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.101.895	6.670.754
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.612.180	8.254.555
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	52.753.251
Cộng	3.127.376.780	3.002.691.241

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	73.982.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.675.165	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.258.214.000	-
Chi phí tài chính khác	-	5.860.988
Cộng	2.260.889.165	79.843.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	236.517.312
Thu phạt chậm tiến độ	2.556.768.106
Thu cho thuê nhà, văn phòng	120.000.000
Thu nhập khác	986.586.610
Cộng	<u>3.899.872.028</u>

29. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Tiền nộp phạt chậm tiến độ	2.509.042.645
Chi phí khác	194.392.489
Cộng	<u>2.703.435.134</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>
	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Tiền thuê đất, thuê nhà	1.519.691.771
Chi phí nhân viên	54.599.556.948
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.685.029.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.421.427.192
Thuế, phí và lệ phí	2.097.019.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.214.823.121
Chi phí phân bổ	507.676.262
Chi phí ăn ca	3.971.884.499
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	429.958.637
Các khoản chi phí QLDN khác	24.294.269.152
Cộng	<u>122.741.337.445</u>
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	195.000.000
Cộng	<u>195.000.000</u>

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Lợi nhuận trước thuế	42.975.324.283
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(303.785.651)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(419.008.510)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>115.222.859</i>
Thu nhập chịu thuế	42.671.538.632
Trong đó:	
Thu nhập chịu thuế 22%	40.885.092.128
Thu nhập chịu thuế 20%	1.786.446.504
Thuế suất thông thường	
Thuế suất 22%	22%
Thuế suất 20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>9.352.009.566</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Tổng Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế năm 2015 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 115.222.859 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	2.972.863.270
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(257.290.394.247)	(176.135.931.343)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	528.907.264.577	509.541.235.534
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.290.394.247	176.135.931.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.387.306.022	247.770.402.285
Đầu tư tài chính dài hạn	17.549.426.017	6.511.494.000
Tổng cộng	<u>473.227.126.286</u>	<u>430.417.827.628</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	2.972.863.270
Phải trả người bán và phải trả khác	133.555.890.787	144.627.680.544
Chi phí phải trả	47.618.003.964	127.558.962.876
Tổng cộng	<u>181.173.894.751</u>	<u>275.159.506.690</u>

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế, do đó Tổng Công ty chưa áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty không chịu rủi ro lãi suất nào đáng kể do không phát sinh các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2015, Tổng Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Tổng Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	257.290.394.247	-	257.290.394.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.365.543.922	21.762.100	198.387.306.022
Đầu tư tài chính dài hạn	-	17.549.426.017	17.549.426.017
Cộng	455.655.938.169	17.571.188.117	473.227.126.286
Tại ngày 31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	133.522.253.208	33.637.579	133.555.890.787
Chi phí phải trả	47.618.003.964	-	47.618.003.964
Cộng	181.140.257.172	33.637.579	181.173.894.751
Chênh lệch thanh khoản thuần	274.515.680.997	17.537.550.538	292.053.231.535
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	176.135.931.343	-	176.135.931.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.653.297.072	3.117.105.213	247.770.402.285
Đầu tư tài chính dài hạn	-	6.511.494.000	6.511.494.000
Cộng	420.789.228.415	9.628.599.213	430.417.827.628
Tại ngày 01/01/2015			
Các khoản vay	2.972.863.270	-	2.972.863.270
Phải trả người bán và phải trả khác	144.627.680.544	-	144.627.680.544
Chi phí phải trả	127.558.962.876	-	127.558.962.876
Cộng	275.159.506.690	-	275.159.506.690
Chênh lệch thanh khoản thuần	145.629.721.725	9.628.599.213	155.258.320.938

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Bộ Giao thông Vận tải
 Cục Hàng hải Việt Nam
 Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải miền Bắc
 Công ty Cổ phần Thiết bị bảo hiệu hàng hải miền Bắc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải miền Bắc
 Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải miền Bắc
 Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Chủ sở hữu của Tổng Công ty
 Đơn vị trực thuộc chủ sở hữu
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ngoài khoản phải thu của bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 - Phải thu của khách hàng và khoản phải trả bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 15 - Phải trả người bán, Thuyết minh số 17 - Người mua trả tiền trước, Tổng Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>
	VND
Trả trước cho người bán	3.498.050.179
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải Miền Bắc	1.457.773.936
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và dịch vụ hàng hải Miền Bắc	132.286.404
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc	1.907.989.839

Ngoài khoản doanh thu với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 24 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Mua hàng	31.532.351.983
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình hàng hải Miền Bắc	9.067.533.222
Công ty Cổ phần Cơ khí hàng hải Miền Bắc	16.060.223.337
Công ty Cổ phần Thiết bị báo hiệu hàng hải Miền Bắc	6.404.595.424

Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm 2015</u>
	VND
Thu nhập Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc	3.626.123.589
	3.626.123.589

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này; một số số liệu được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2014, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
<u>Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</u>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	212.008.828.603	(1.349.045.291)	210.659.783.312	(i)
Thuế GTGT được khấu trừ	4.229.055.139	20.457.829	4.249.512.968	(i)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.567.696.000	33.278.619	1.600.974.619	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	36.181.772.179	(150.444.615)	36.031.327.564	(i)
Phải trả người lao động	57.391.326.791	(469.345.771)	56.921.981.020	(i)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	63.449.495.780	(630.481.184)	62.819.014.596	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	8.495.532.607	(45.037.273)	8.450.495.334	(i)
Vốn khác của chủ sở hữu	3.138.036.742	3.351.396.000	6.489.432.742	(i)
Chênh lệch-đánh giá lại tài sản	8.592.968.062	(3.351.396.000)	5.241.572.062	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	27.817.169.646	22.037.778.834	49.854.948.480	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	22.037.778.834	(22.037.778.834)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	-	3.117.105.213	3.117.105.213	(ii)
Tài sản dài hạn khác	3.117.105.213	(3.117.105.213)	-	(ii)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	13.567.426.324	13.567.426.324	(ii)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	13.567.426.324	(13.567.426.324)	-	(ii)
<u>Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh</u>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	774.678.085.908	(1.226.404.811)	773.451.681.097	(i)
Giá vốn hàng bán	613.130.644.111	(469.345.771)	612.661.298.340	(i)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	118.324.159.236	(367.822.000)	117.956.337.236	(i)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.318.157.976	(81.540.583)	10.236.617.393	(i)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.547.139.396	(307.696.457)	33.239.442.939	(i)
Thu nhập khác	2.949.596.375	(205.220.629)	2.744.375.746	(ii)
Chi phí khác	2.786.105.731	(205.220.629)	2.580.885.102	(ii)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC;
- (ii) Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản duyệt quyết toán tình hình thu nộp phí hoa tiêu, chi kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải năm 2014.

Lưu Văn Quảng
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn An
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Hải
 Người lập biểu



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)